

Bản án số: 180/2021/DS-PT

Ngày: 20/10/2021

*“V/v: Đòi lại tài sản; yêu cầu hủy  
GCNQSD đất, bồi thường thiệt hại  
về tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Việt Cường

Bà Lê Thúy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: *“Đòi lại tài sản; yêu cầu hủy GCNQSD đất, bồi thường thiệt hại về tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L:* Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn L:* Luật sư Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: thị xã A, tỉnh Bình Định. (vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn:**

1. Ông Lê Văn B (đã chết ngày 29/3/2020).

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B:*

Bà Phạm Thị L (vợ) và các con ông B: Ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà

Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D. Cùng địa chỉ: Thôn N xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (đều vắng mặt; các bà Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mộng D, ông Lê Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị L. Địa chỉ: Thôn N xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; (vắng mặt).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đặng Thị S;

*Người đại diện theo ủy quyền bà S:* Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T (vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Anh Lê Văn N; 4. Anh Lê Văn C; 5. Chị Lê Thị Thúy H; 6. Anh Lê Văn T; 7. Chị Lê Thị Mộng D. Cùng địa chỉ: Thôn N xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (đều vắng mặt; các bà Lê Thị Thúy H, Lê Thị Mộng D, ông Lê Văn C có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

8. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định. Địa chỉ: thị xã A, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Huỳnh H- Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**\* Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn L là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 175m<sup>2</sup>, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là của cụ Lê G, cụ Nguyễn Thị N (cha, mẹ ông Lê Văn B) khai hoang. Sau năm 1975, cụ Lê G bán cho cụ Trần Thị T (mẹ vợ ông Nguyễn Văn H, ông H là em ruột ông) với giá 05 phân vàng và 10 ngày công. Năm 1980, ông H cho ông thửa đất này để làm một ngôi nhà tranh vách đất. Năm 1998, ngôi nhà bị bão làm sập nên ông làm nhà ở thửa đất khác cách thửa đất đang tranh chấp khoảng 50m nhưng ông vẫn quản lý, sử dụng thửa đất hiện đang tranh chấp và đóng thuế đất cho Nhà nước.

Gia đình ông đã được UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 175m<sup>2</sup>, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định vào ngày 13/10/1993. Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình ông có 03 nhân khẩu gồm: Nguyễn Văn L (chủ hộ), Đặng Thị S (vợ), Nguyễn Văn T (con).

Trên đất có 04 cây mít do ông trồng từ năm 1980, hàng rào cây bụi nhưng hiện nay ông Lê Văn B đã chặt phá 03 cây mít có đường kính khoảng 40cm và đào gốc chỉ còn lại 01 cây mít còn hàng rào ranh giới bị ông B phá và làm chuồng bò, xây tường rào, làm sân.

Chữ ký viết và chữ “L” trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất

ngày 02/8/1993 tại UBND xã N là không phải của ông là vì lúc đó đi kê khai theo chủ trương của Nhà nước nên tất cả mọi người đi kê khai rất đông và ông cũng không có kiến thức vì thế khi đến Ủy ban để kê khai thì ông khai báo và cán bộ xã ghi giúp để cho nhanh.

Ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn B phải tháo dỡ các công trình trên thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, thôn Đ, xã N, thị xã A trả lại cho ông 175m<sup>2</sup> đất ở; yêu cầu ông Lê Văn B bồi thường thiệt hại 03 cây mít có đường kính 40cm với số tiền là 9.000.000 đồng.

*Bị đơn ông Lê Văn B, bà Phạm Thị L thống nhất trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 175m<sup>2</sup> tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là của cha, mẹ ông B là vợ chồng cụ Lê G (chết năm 2012), Nguyễn Thị N (chết 1997) khai hoang. Thửa đất này là một phần của thửa số 549, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.200 (Bản đồ năm 1983), đến năm 1993 được tách thành 04 thửa gồm: Thửa đất số 261, 262, 263 và 264. Sau năm 1975, ông B kết hôn với bà Phạm Thị L nên vợ chồng cụ G cho một phần đất của thửa đất số 549. Năm 1983, bà Tô Thị V (cháu gọi cụ G là chú họ) xin cất tạm một nhà tranh để ở nhờ sinh con. Năm 1986, bà V xây nhà chỗ khác nên trả lại đất. Năm 1987, ông Nguyễn Văn L (anh của ông Nguyễn Văn H - chồng bà V) không có chỗ ở nên xin ở nhờ tại ngôi nhà tranh vách đất mà bà V đã làm trước đây và được gia đình ông đồng ý. Đến năm 1993 ông L không ở trên thửa đất này nữa.

Hiện nay trên thửa đất mà ông Nguyễn Văn L tranh chấp có 01 chuồng bò do vợ chồng ông xây dựng từ năm 1993 còn tường rào gạch do vợ chồng ông bà xây dựng từ năm 2013.

Chữ ký, viết và chữ “B” trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 20/8/1993 tại Ủy ban nhân dân là không phải của ông là vì lúc đó đi kê khai theo chủ trương của Nhà nước, nên tất cả mọi người đi kê khai rất đông nên cán bộ xã viết giùm.

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Ông B, bà L có đơn phản tố yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện A (UBND) cấp cho ông Nguyễn Văn L thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 175m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lê Văn N, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Thúy H, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Mộng D: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Bà Đặng Thị S, anh Nguyễn Văn T: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Văn L.

*Ủy ban nhân thị xã A trình bày:*

Phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn L với ông Lê Văn B thuộc thửa 549, tờ bản đồ số 01 (theo Bản đồ năm 1983) là của cụ Lê G (cha ông B). Tại

thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ ông Nguyễn Văn L là hộ sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 02/8/1993. Theo đó, Hội đồng giao quyền sử dụng đất của xã thống nhất đề nghị, UBND xã trình UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số 00226/QSDĐ/I3 ngày 13/10/1993 cho ông Nguyễn Văn L trong đó có thửa số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 175m<sup>2</sup>, loại đất ở. Tuy nhiên, trong quá trình cân đối giao quyền và cấp GCNQSDĐ cho nhân dân, Hội đồng và tổ công tác giao quyền của xã N căn cứ vào số liệu bản đồ tân đạt năm 1993 để giao, không có đo đạc thực tế từng thửa đất, không xác minh nguồn gốc sử dụng đất của từng thửa đất, không kiểm tra chữ ký của chủ sử dụng đất vào cuối đơn đăng ký quyền sử dụng đất. UBND huyện A nay là thị xã A đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật, UBND thị xã A căn cứ vào bản án của Tòa án để chỉ đạo thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đòi ông Lê Văn B phải tháo dỡ các công trình trên thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định để trả lại cho ông 175m<sup>2</sup> đất ở; yêu cầu ông Lê Văn B phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 03 cây mít có đường kính 40cm với số tiền là 9.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn B, bà Phạm Thị L. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00226/QSDĐ/I3 ngày 13/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và công nhận 175m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa số 263, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định là của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại các phiên tòa phúc thẩm và Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn ông L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn phải tháo dỡ vật kiến trúc trên đất trả lại diện tích đất cho nguyên đơn và bồi thường 03 cây mít do bị đơn chặt.

Bị đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa

có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên lời trình bày và quan điểm như Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Về việc vắng mặt các đương sự phiên tòa đã hoãn nhiều lần, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự; về nội dung: Ông Nguyễn Văn L được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ từ năm 1993 với diện tích 175m<sup>2</sup> đất ở là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật, việc gia đình ông B lấn chiếm sử dụng đất của gia đình ông L là trái pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L buộc bà L và những người kế thừa của ông B phải tháo dỡ vật kiến trúc có trên đất để giao lại cho gia đình ông L 175m<sup>2</sup> đất ở đã được cấp GCNQSDĐ có số 00226/QSDD/I3 ngày 13/10/1993 của UBND huyện A, tỉnh Bình Định, đồng thời buộc bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B phải bồi thường cho gia đình ông L 03 cây mít, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B và bà L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn ông Lê Văn B chết ngày 29/3/2020 (theo Trích lục khai tử số 43/TLHT ngày 23/4/2020 của UBND xã N, thị xã A). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B gồm có: Bà Phạm Thị L (vợ) và các con ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D tham gia tố tụng. Phiên tòa phúc thẩm đã được mở nhiều lần, tuy nhiên do tình hình dịch Covid nên đã hoãn nhiều lần, tại phiên tòa người kháng cáo và một số người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có Đơn yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 263, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định có diện tích 175m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn, có giá thời điểm năm 2019 giá Nhà nước 64.000 đồng/1m<sup>2</sup>, theo giá thị trường đất ở 600.000 đồng/1m<sup>2</sup> (BL122); theo bản đồ địa chính năm 1983, sổ đăng ký ruộng đất năm 1984 thuộc thửa 549 có diện tích 5.200m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01 ghi tên cụ Lê G (cha ông B); theo bản đồ địa chính năm 1993, sổ mục kê đất năm 1997 thửa 549 tách thành 4 thửa gồm các thửa 261 diện tích 350m<sup>2</sup>, 262 diện tích 716m<sup>2</sup>,

263 diện tích 175m<sup>2</sup> (đang tranh chấp), 264 diện tích 4.447m<sup>2</sup>. Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ ông Nguyễn Văn L là hộ sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 02/8/1993; Hội đồng giao quyền sử dụng đất của xã thống nhất đề nghị, UBND xã trình UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số 00226/QSDĐ/I3 ngày 13/10/1993 cho ông Nguyễn Văn L trong đó có thửa số 263, tờ bản đồ số 04, diện tích 175m<sup>2</sup>, loại đất ở; đồng thời cấp cho hộ ông Lê Văn B thửa đất số 262 diện tích 716m<sup>2</sup> và thửa 261 diện tích 350m<sup>2</sup>, cấp cho hộ ông Lê G (cha ông B) thửa 264 diện tích 4.447m<sup>2</sup>. Khi được cấp GCNQSDĐ đất cho hộ cụ Lê G và hộ ông Lê Văn B, ông Nguyễn Văn L thì hộ ông Lê Văn B và ông Lê G không có ý kiến gì về các thửa đất, sơ đồ và diện tích đất mà UBND huyện A đã ghi trong GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ. Khi tiến hành cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ ban thôn Đại Hào tiến hành họp dân công khai đồng ý cân đối quyền sử dụng đất, Hội đồng xét giao quyền sử dụng đất của xã thống nhất đề nghị UBND xã trình UBND huyện cấp GCN QSDĐ cho hộ ông G, hộ ông B, hộ ông L đúng trình tự theo quy định tại Nghị định 64/CP. Từ năm 1993 đến năm 2007 ông L là người trực tiếp sử dụng và nộp tiền thuế đất đối với thửa đất 263 có diện tích 175m<sup>2</sup> đất ở cho Nhà nước và hiện nay vẫn là hộ đứng tên sử dụng đất; do đó, thửa đất trên ông Nguyễn Văn L được Nhà nước giao quyền sử dụng hợp pháp và ông L đã liên tục sử dụng công khai từ trước năm 1993 và thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất đối với Nhà nước, ông B và gia đình ông biết nhưng không có ý kiến gì; việc hộ ông B cho rằng gia đình ông có sử dụng một phần diện tích đất tranh chấp từ năm 1993, nhưng không có chứng cứ chứng minh thời điểm sử dụng đất tranh chấp.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thửa đất tranh chấp 263 diện tích 175m<sup>2</sup> có nguồn gốc của gia đình ông B được tách ra từ thửa 549 cha ông B là ông Lê G sử dụng từ trước nên đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, đồng thời hủy một phần GCNQSDĐ đã được UBND huyện A cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L là không đúng thực tế khách quan việc cấp, sử dụng đất và không đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L; buộc bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải tháo dỡ các công trình xây dựng (chuồng bò có diện tích 25m<sup>2</sup>) trên thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là UBND thị xã A, tỉnh Bình Định) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00226/QSDĐ/I3 ngày 13/10/1993 cho hộ ông Nguyễn Văn L, để trả lại cho ông Nguyễn Văn L 175m<sup>2</sup> đất ở theo

Giấy chứng nhận đã được cấp. Bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 03 cây mít có đường kính 40cm với số tiền là 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng), cho ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị S (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản Tòa án cấp sơ thẩm BL 122).

[2.3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D về yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00226/QSDĐ/I3 ngày 13/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp cho hộ ông Nguyễn Văn L tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 02326 ngày 15/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 900.000 đồng, trong đó: 300.000 đồng đối với yêu cầu đòi tài sản và 300.000 đồng đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại và 300.000 đồng đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003765 ngày 24/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 6.000.000 đồng bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải chịu. Ông Nguyễn Văn L đã nộp và đã chi xong, do đó bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền: 6.000.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 163, 164, 166, 169, 170 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 168, 169 Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L; buộc bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là UBND thị xã A, tỉnh Bình Định) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00226/QSDĐ/I3 ngày 13/10/1993 cho ông Nguyễn Văn L; để trả lại cho ông Nguyễn Văn L 175m<sup>2</sup> đất ở theo Giấy chứng nhận đã được cấp. Bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải bồi thường thiệt hại về tài sản là 03 cây mít có đường kính 40cm với số tiền là 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Văn L và bà Đặng Thị S.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D về yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00226/QSDĐ/I3 ngày 13/10/1993 của Ủy ban nhân dân huyện A (nay là UBND thị xã A) cấp cho ông Nguyễn Văn L tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 04, thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 3.000.000 (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 02326 ngày 15/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền:



900.000 (Chín trăm ngàn đồng); được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002615 ngày 29/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 600.000 (S trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 000 3765 ngày 24/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 6.000.000đ (S triệu đồng) bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải chịu. Ông Nguyễn Văn L đã nộp và đã chi xong. Bà Phạm Thị L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn B: Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn N, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Mộng D phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền: 6.000.000đ (S triệu đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn p. HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Minh Tuấn**